

Tuân thủ: GHS (rev 7) (2017).  
Thông tư số 2/2017 / TT-BCT / Thông tư số 32/2017 / TT-BCT Chỉ định và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 13/2017 / ND-CP. - Việt Nam

Ngày phát hành/ Ngày hiệu  
chính : 20.04.2023  
Ngày phát hành lần trước : 00.00.0000  
Phiên bản : 1.0



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ultrasol K Plus 13.7-0.46

## I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Số CAS : 7757-79-1  
Số UN : UN1486  
Số đăng ký EC : 231-818-8  
Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống  
Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân  
Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất) : Ultrasol K Plus 13.7-0.46  
Tên hóa chất : kali nitrat  
Loại sản phẩm : Rắn  
Mã sản phẩm : PD01WK  
Ứng dụng  
Khu vực áp dụng : Các ứng dụng chuyên nghiệp  
Cách sử dụng nguyên liệu. : Phân bón.

### Nhà cung cấp

Thông tin chi tiết về nhà cung  
cấp : Yara Vietnam Ltd..

### ĐỊA CHỈ

Đường : Fl. 14 Empress Tower  
138 - 142 Hai Ba Trung, Da Kao Ward,  
District 1

THÀNH PHỐ : Ho Chi Minh City  
Quốc Gia : Viet Nam

Số Điện Thoại : +84 28 3829 6869

Ngày phát hành : 20.04.2023

Trang:1/15

Số fax : +84 28 3827 9317  
 Địa chỉ email của người chịu trách nhiệm đối với bảng SDS này : yaraasiapacific@yara.com  
 Số điện thoại khẩn cấp (với giờ hoạt động) : +84 28 4458 2388 (Việt Nam, 24/7)

**Cơ quan tư vấn quốc gia/Trung Tâm Độc Chất**

Tên : Trung Tâm Kiểm Soát Chất độc - Bệnh viện Bạch Mai  
 Số Điện Thoại : +84 24 38693731 ext 6821

**II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT**

Mức xếp loại nguy hiểm. : CHẤT RẮN OXY HOÁ - Loại 3  
 ĐỘC TÍNH CẤP (đường miệng) - Loại 5

**Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất)**

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ : H272 Có thể cháy mạnh, chất oxy hoá.  
 H303 Có thể có hại nếu nuốt phải.

**Các công bố về phòng ngừa**

Ngăn chặn : P210 Giữ tránh xa nguồn nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và bề mặt nóng. Không được hút thuốc.  
 P220 Giữ tránh xa quần áo và các vật liệu cháy nổ khác.

Phản ứng : P301 NẾU NUỐT PHẢI:  
 P312 Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc nếu quý vị cảm thấy không khỏe.  
 P370 Trong trường hợp cháy:  
 P378-b Dùng nhiều nước làm ngập.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại : Không biết chất nào.

**Thông tin bổ sung** : Sản phẩm hình thành bề mặt trơn trượt khi kết hợp với nước.

### III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

**Chất/pha chế** : Chất

**Số đăng ký CAS (Dịch Vụ Thông Tin Cơ Bản Hóa Chất Của Hoa Kỳ)/ các mã số khác**

**Các cách khác để xác định lại** : kali nitrat

**lịch**

**Số CAS** : 7757-79-1

**Số UN** : UN1486

**Số đăng ký EC** : 231-818-8

Tên thành phần nguy hiểm	%	Số CAS
kali nitrat	100	7757-79-1

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này. Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

### IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

**Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết**

- Tiếp xúc mắt** : Rửa sạch với nhiều nước chảy thành dòng. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có khó chịu.
- Hít phải** : Nếu hít phải, đưa ra ngoài chỗ thoáng gió. Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.
- Tiếp xúc ngoài da** : Rửa với xà phòng và nước. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu bị khó chịu.
- Nuốt phải** : Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng.

**Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm**

**Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn**

- Tiếp xúc mắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Hít phải** : Tiếp xúc với sản phẩm phân hủy có thể nguy hiểm cho sức khỏe. Hậu quả nghiêm trọng có thể đến trễ sau khi bị phơi

- Tiếp xúc ngoài da** : nhiễm.  
 Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.  
**Nuốt phải** : Có thể có hại nếu nuốt phải.

**Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức**

- Tiếp xúc mắt** : Không có thông tin cụ thể gì.  
**Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.  
**Tiếp xúc ngoài da** : Không có thông tin cụ thể gì.  
**Nuốt phải** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau dạ dày

**Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần**

- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** : Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn. Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.  
**Điều trị cụ thể** : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.  
**Bảo vệ nhân viên sơ cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

**V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN**

**Phương tiện dập tắt**

- Các chất chữa cháy phù hợp** : Dùng nhiều nước làm ngập.  
**Các chất chữa cháy không phù hợp** : Không dùng cát hoặc hơi nước vì sẽ ủ lửa cháy âm ỉ phía bên trong.  
**Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất** : Chất oxy hóa. Có thể gây gia tăng cường độ cháy. Bản thân sản phẩm thì không phải là chất dễ cháy, nhưng nó có thể thúc đẩy quá trình cháy mạnh hơn, ngay cả khi thiếu oxy. Khi bị đốt nóng, sản phẩm sẽ chảy lỏng và có thể gây phân hủy hoá học. Quá trình phân huỷ sẽ làm thoát ra các khí độc chứa các ôxyt nitơ. Sản phẩm là chất rất bền nổ. Nhưng khi bị đốt nóng trong thể tích kín có thể dẫn tới hiện tượng nổ.  
**Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm** : Các sản phẩm làm thổi rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây: ôxyt nitơ, ôxyt kim loại, amoniac, Tránh hít phải bụi, hơi hay khói từ chất đang cháy., Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn.  
**Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy** : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá

- Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy : nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chữa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chữa phơi ra lửa.
- Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

## VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

### Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

- Cho người không phải nhân viên cấp cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).
- Cho các nhân viên cấp cứu** : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.
- Đề phòng cho môi trường** : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

### Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

- Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ** : Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Nếu bị nhiễm bẩn bởi vật liệu dễ cháy hoặc hóa chất phản ứng, hãy sử dụng các dụng cụ chống tia lửa và thiết bị chống cháy nổ. Hút hoặc quét chất liệu và đổ vào một đồ đựng được chỉ định và có đề nhãn. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.
- Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng** : Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Nếu bị nhiễm bẩn bởi vật liệu dễ cháy hoặc hóa chất phản ứng, hãy sử dụng các dụng cụ chống tia lửa và thiết bị chống cháy nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Hút hoặc quét chất liệu và đổ vào một đồ đựng được chỉ định và có đề nhãn. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

## VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

### Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Không dùng cho con người và động vật.

- Biện pháp bảo vệ** : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).  
Đừng nuốt. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Giữ trong  
đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê  
chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi  
không sử dụng. Giữ tránh xa quần áo, các vật liệu không phù  
hợp và các vật liệu cháy nổ. Giữ tránh xa nguồn nóng. Các đồ  
đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và  
có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.
- Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát** : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý,  
trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt  
trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và  
trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem  
thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.
- Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ** : Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong  
thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt,  
tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không  
tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Giữ  
tách xa các chất làm gia giảm và các vật liệu dễ cháy. Đậy thật  
chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ  
đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng,  
cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn  
hiệu.  
Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi  
trường. Để cách xa các loại vật liệu hữu cơ, dầu nhớt.


## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### Các thông số kiểm soát

- Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp** : Không có cái nào.
- Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** : Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm  
soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc  
hại.
- Kiểm soát phơi nhiễm môi trường** : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền  
làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ

môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

### **Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**

- Biện pháp vệ sinh** : “Dụng cụ rửa mắt hoặc da nên sẵn sàng để sử dụng”. Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại.
- Bảo vệ mắt** : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi.
- Bảo vệ da**
- Bảo vệ tay** : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Đối với các ứng dụng chung, chúng tôi khuyên bạn nên dùng găng tay có độ dày tiêu biểu lớn hơn 0,35 mm. Điều cần nhấn mạnh là độ dày của găng tay không nhất thiết là chỉ báo tốt cho tính bền của găng tay đối với hóa chất cụ thể, vì hiệu quả thẩm thấu của găng tay tùy vào cấu tạo chính xác của vật liệu làm găng tay.
- Bảo vệ thân thể** : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.
- Biện pháp bảo vệ da khác** : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
- Bảo vệ hô hấp** : Trong trường hợp thông gió kém hãy mang đồ bảo vệ hô hấp.
- Thiết bị bảo hộ cá nhân (Tượng hình)** : 

## **IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn**

Điều kiện đo lường của tất cả các đặc tính là ở điều kiện nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn trừ khi có quy định khác.

### **Bề ngoài**

- Trạng thái vật lý** : Rắn
- Màu sắc** : Màu trắng.,
- Mùi** : Không xác định.

<b>pH</b>	:	8 - 11
<b>Điểm chảy/điểm đông</b>	:	Không xác định.
<b>Điểm sôi, điểm sôi ban đầu, và dải sôi</b>	:	Không áp dụng.
<b>Điểm bùng cháy</b>	:	Không áp dụng.
<b>Khả năng cháy</b>	:	Không xác định.
<b>Giới hạn nổ trên và dưới/giới hạn cháy</b>	:	<b>Thấp hơn:</b> Không áp dụng. <b>Trên:</b> Không áp dụng.
<b>Áp suất hóa hơi</b>	:	Không áp dụng.
<b>Mật độ hơi tương đối</b>	:	Không áp dụng.
<b>Mật độ</b>	:	Không xác định.
<b>(Các) độ tan</b>	:	Không xác định.
<b>Hệ số phân chia nước/Octanol</b>	:	Không áp dụng.
<b>Nhiệt độ tự cháy</b>	:	Không áp dụng.
<b>Nhiệt độ phân hủy</b>	:	Không áp dụng.
<b>Tính dẻo</b>	:	<b>Động lực học:</b> Không áp dụng.
<b>Thuộc tính nổ</b>	:	Không xác định.
<b>Thuộc tính oxy hóa</b>	:	Không xác định.
<b><u>Đặc tính hạt</u></b>		
<b>Kích thước hạt trung bình</b>	:	Không xác định.

## **X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT**

<b>Khả năng phản ứng</b>	:	Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
<b>Tính ổn định</b>	:	Sản phẩm ổn định.
<b>Khả năng gây các phản ứng nguy hại</b>	:	Các phản ứng hoặc tình trạng không bền gây nguy hiểm sẽ xuất hiện trong những điều kiện bảo quản và sử dụng nào đó. Các điều kiện có thể bao gồm các điều kiện sau: tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy Các phản ứng có thể bao gồm các phản ứng sau: nguy cơ gây cháy hoặc gia tăng cường độ cháy



- Tình trạng cần tránh** : Tránh nhiễm bẩn bằng mọi nguồn kể cả kim loại, bụi và chất hữu cơ.
- Các vật liệu không tương thích** : Phản ứng hay không tương thích với các chất sau: kiềm, chất dễ cháy nổ, chất khử, chất hữu cơ, axit
- Sản phẩm phân rã có mối nguy** : Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thối rửa.

## XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

### Thông tin về các tác dụng độc

#### Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Phương pháp	Loài	Kết quả	Sự phơi nhiễm
kali nitrat				
	LD50 Đường miệng	Chuột	2.000 mg/kg	Không áp dụng.
	LD50 Ngoài da	Chuột	> 5.000 mg/kg	Không áp dụng.

**Kết luận/Tóm tắt** : Có thể có hại nếu nuốt phải.

#### Kích ứng/Ăn mòn

Tên sản phẩm/thành phần	Phương pháp	Loài	Kết quả	Sự phơi nhiễm
kali nitrat				
	OECD 404 Da	Thỏ	Không dị ứng.	

#### Kết luận/Tóm tắt

- Da** : Không dị ứng.
- Mắt** : Không dị ứng.
- Hô hấp** : Không dị ứng.

#### Nhạy cảm

#### Kết luận/Tóm tắt

- Da** : Không gây mẫn cảm
- Hô hấp** : Không gây mẫn cảm

#### Tính đột biến

**Kết luận/Tóm tắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Tính gây ung thư**

**Kết luận/Tóm tắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Độc tính sinh sản**

**Kết luận/Tóm tắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)**

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)**

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa**

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra** : Không có sẵn.

**Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn**

- Tiếp xúc mắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Hít phải** : Tiếp xúc với sản phẩm phân hủy có thể nguy hiểm cho sức khỏe. Hậu quả nghiêm trọng có thể đến trễ sau khi bị phơi nhiễm.
- Tiếp xúc ngoài da** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Nuốt phải** : Có thể có hại nếu nuốt phải.

**Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính**

- Tiếp xúc mắt** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Tiếp xúc ngoài da** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Nuốt phải** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau dạ dày

**Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài**

**Phơi nhiễm ngắn hạn**

**Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Hậu quả có hại cho sức khỏe được xem là khó xảy ra khi sản phẩm sử dụng đúng theo hướng dẫn trên nhãn hiệu.

**Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không nhận dạng được cái nào.

**Phơi nhiễm lâu dài**

**Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Hậu quả có hại cho sức khỏe được xem là khó xảy ra khi sản phẩm sử dụng đúng theo hướng dẫn trên nhãn hiệu.

**Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không nhận dạng được cái nào.

**Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn**

**Tính gây ung thư** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Tính đột biến** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Độc tính sinh sản** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Những ảnh hưởng khác** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức**

**Tiếp xúc mắt** : Không có thông tin cụ thể gì.

**Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

**Tiếp xúc ngoài da** : Không có thông tin cụ thể gì.

**Nuốt phải** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau dạ dày

**Các số liệu đo lường độ độc**

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Đường miệng	Ngoài da	Hít vào (các chất khí)	Hít vào (các chất hơi)	Hít vào (bụi và các thể spong)
Ultrasol K Plus 13.7-0.46	2500 mg/kg	N/A	N/A	N/A	N/A
kali nitrat	2500 mg/kg	N/A	N/A	N/A	N/A

**XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

**Độc Tính**

Tên sản phẩm/thành phần	Phương pháp	Loài	Kết quả	Sự phơi nhiễm
kali nitrat				
	OECD 203 Cấp tính LC50 Nước ngọt	Cá	> 100 mg/l	96 h
	Cấp tính EC50 Nước ngọt	Daphnia	490 mg/l	48 h
	Cấp tính EC50 Nước biển	Tảo	> 1.700 mg/l	240 h

**Kết luận/Tóm tắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Độ bền và khả năng phân hủy**

**Kết luận/Tóm tắt** : Dễ dàng tự phân hủy bằng vi khuẩn trong thực vật và đất. Sản phẩm không biểu hiện tích tụ sinh học.

**Khả năng tồn lưu**

**Kết luận/Tóm tắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Khả năng phân tán qua đất**

- Hệ số phân cách đất/nước (KOC)** : Không có sẵn.
- Tính cơ động** : Không có sẵn.
- Hậu quả xấu khác** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.




**XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ**

**Sản phẩm**

**Các phương pháp xử lý** : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét

thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

#### XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG	IATA
Số UN	1486	1486	1486
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	POTASSIUM NITRATE	POTASSIUM NITRATE	POTASSIUM NITRATE
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	5.1 	5.1 	5.1 
Quy cách đóng gói	III	III	III
Mối nguy cho môi trường	Không.	Không.	Không.

**Thông tin bổ sung**

IMDG

: **Danh mục cấp cứu (EmS) F-A, S-Q**

**14.6 Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng**

: Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng: Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO

Tên thích hợp khi vận chuyển bằng tàu thuyền : POTASSIUM NITRATE UN 1486

## XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Phân loại chất độc (TCVN : 3164-79) : 3

### Danh mục hàng tồn kho

**Bản Kê của Phi-lip-pin (PICCS):** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**Danh mục Hóa chất của New Zealand (NZIO):** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**Bản kê của Hàn Quốc:** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**Bản kê của Nhật (CSCL):** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**Bản kê của Trung Quốc (IECSC):** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**Bản kê của Úc (AIIIC):** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**Danh mục của Đài Loan (CSNN):** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**Bản Kê của Hoa Kỳ (TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc):** Tất cả các thành phần đều hoạt động hoặc được miễn trừ.

**Canada:** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**Thái Lan:** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

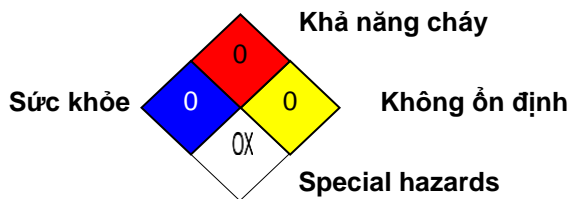
**Thổ Nhĩ Kỳ:** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**Việt Nam:** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

## XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

### Số chỉ thi nguy hiểm của các tổ chức xếp loại

NFPA



HMIS

Sức khỏe	/	1
Khả năng cháy		0
Nguy hiểm thể chất		1

### Bảng từ viết tắt

- : ADN = Quy định của Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế đối với hàng hóa nguy hiểm bằng đường thủy nội địa
- : ADR = Hiệp định của Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế đối với hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ
- : ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
- : BCF = Hệ số nồng độ sinh học
- : bw = trọng lượng cơ thể
- : GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
- : HMIS = Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ)
- : IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế

IBC = Côngtenơ khổ trung  
 IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế  
 LogPow = Lôgarit của hệ số phân chia octanol/nước  
 MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))  
 N/A = Không có sẵn  
 RID = Các quy định về việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường sắt  
 SUSMP - Standard Uniform Schedule of Medicine and Poisons  
 NFPA = Hiệp Hội Bảo Vệ Hỏa Hoạn Quốc Gia (Hoa Kỳ)  
 SGG = Nhóm Phân tách  
 UN = Liên hợp quốc

**Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại**

Phân loại	Cơ sở lý luận
CHẤT RẮN OXY HOÁ - Loại 3	Đánh giá của chuyên gia
ĐỘC TÍNH CẤP (đường miệng) - Loại 5	Phương pháp tính toán

**Nguồn dữ liệu chính** : EU REACH ECHA/IUCLID5 CSR.  
 National Institute for Occupational Safety and Health, U.S. Dept. of Health, Education, and Welfare, Reports and Memoranda Registry of Toxic Effects of Chemical Substances.  
 Sphera Solutions Inc., 4777 Levy Street, St Laurent, Quebec HAR 2P9, Canada.

**Lịch sử**

**Ngày in** : 24.04.2023  
**Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh** : 20.04.2023  
**Ngày phát hành lần trước** : 00.00.0000  
**Phiên bản** : 1.0  
**Chuẩn bị bởi** : Product Stewardship and Compliance (PSC).

|| Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

**Người đọc lưu ý**

Thông tin được đưa ra ở đây là chính xác dựa trên các hiểu biết của chúng tôi. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu tên ở trên hay các cơ sở trực thuộc không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin này. Quyết định cuối cùng về sự phù hợp hay không của nguyên liệu nào là thuộc về trách nhiệm của người sử dụng. Tất cả những nguyên liệu có thể có những nguy hại chưa được biết đến và vì vậy cần phải được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có một vài tác động nguy hại được nêu ở đây nhưng chúng tôi không bảo đảm rằng đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.